

Bản án số: **21/2019/HS-ST**

Ngày: 26-4-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Lâm và ông Phạm Công Gia

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2019/TLST-HS ngày 26/2/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 12/4/2019, đối với bị cáo:

Trần V B – Tên gọi khác: B, sinh năm 1986, tại tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: Ấp X, xã Phú L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần V Á, sinh năm 1948 và bà Võ T A, sinh năm 1952; vợ, con: Không; tiền án có 02 tiền án: Ngày 14/4/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xử phạt 06 năm tù về tội Cướp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/10/2011 và ngày 05/9/2014, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2017; tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2018 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại: Chị Tống Thị K Y, sinh năm 1995, địa chỉ: Ấp X, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Người làm chứng:

+ Anh Chông D N, sinh năm 1996, địa chỉ: Khu Y, thị trấn Tân Phú, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn H G, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp X, xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần V B và chị Tống Thị K Y quen biết nhau vào tháng 3/2018, hai bên có tình cảm yêu thương với nhau. Thời gian đầu, chị Y không có việc làm nên B thường cho tiền để sử dụng. Sau này, B thất nghiệp, chị Y có đưa lại tiền cho B sử dụng. Quen nhau được một thời gian thì chị Y nói chia tay, B không đồng ý

mà còn nhiều lần yêu cầu chị Y đưa tiền cho mình sử dụng, nếu không đưa thì B không để cho chị Y và gia đình được yên. Vì vậy chị Y có đưa thêm cho B 3.000.000đ và nói đây là lần cuối.

Khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 09/11/2018, B yêu cầu chị Y đưa cho B 500.000đ để mua đồ đi đám tân gia nhà bạn nhưng chị Y không đưa. Do điện thoại liên lạc với chị Y không được, nên buổi trưa cùng ngày B đến nhà chị Y nhưng gặp chị Y, B có nói với mẹ chị Y nhắc lại cho chị Y biết phải trả nợ cho B 10.000.000đ.

Khoảng 19 giờ 20 phút, ngày 09/11/2018, B đang uống rượu tại nhà ông Nguyễn H G, sinh năm 1973, địa chỉ: Ấp 3, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Khi ra ngoài đường đi vệ sinh, B thấy anh Chồng D N điều khiển xe mô tô chở chị Y về nhà. B đã chặn xe mô tô lại, B đi tới khóa tay chị Y và dùng tay đánh 03 cái lên mũ bảo hiểm mà chị Y đang đội. Trong lúc dang co thì ví của chị Y rớt xuống đất, chị Y nhờ anh N đến lấy nhưng B dùng chân đá ví ra xa khoảng 02m. B đi đến nhặt ví lên, thấy số tiền trong ví khoảng 2.000.000đ, B lấy 1.500.000đ rồi trả lại ví cho chị Y. B dùng tay đánh thêm 02 cái vào nón bảo hiểm chị Y đang đội và nói hôm sau sẽ lấy tiếp 8.500.000đ. Sau khi lấy được 1.500.000đ, B đi vào nhà ông G nhậu tiếp, anh N cùng với chị Y đến công an xã Phú Lộc trình báo sự việc. Vụ việc được chuyển đến cơ quan Điều tra Công an huyện Tân Phú điều tra làm rõ.

Tang vật thu giữ gồm 01 điện thoại di động Nokia 1202 màu xanh và số tiền 470.000đ tiền mặt.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKSTP-ĐN ngày 22/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố bị cáo về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo B. Trên cơ sở phân tích dấu hiệu phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cũng như tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Về tội danh: Bị cáo Trần V B phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Về mức hình phạt: Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần V B, mức án tù: 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm tù.

- Về vật chứng:

- + Đối với 01 điện thoại di động Nokia 1202 màu xanh đây là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hàng vi phạm tội. Do bị cáo chưa bồi thường số tiền chiếm đoạt nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- + Đối với số tiền 470.000đ bị cáo đã chiếm đoạt hiện đang tạm giữ theo biên lai thu số: 0003373 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Phú sẽ tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Y số tiền 1.500.000đ mà bị cáo đã chiếm đoạt.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nội dung lời khai của những người tham gia tố tụng trong hồ sơ vụ án:

- Lời khai của bị cáo Trần V B trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận nội dung của Bản cáo trạng là đúng sự thật; bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Lời khai của người bị hại chị Tống Thị K Y: Chị Y và Trần V B có thời gian yêu thương nhau. Lúc đầu, chị Y chưa có việc làm thì B có cho tiền để chị Y sử dụng, sau này chị Y có việc làm, B thất nghiệp nên chị có đưa tiền cho B sử dụng. Khoảng tháng 9/2018, chị Y nói chia tay thì B không đồng ý mà buộc chị phải đưa cho B mỗi tháng 3.000.000đ, nếu không sẽ không để cho chị và gia đình chị được yên. Do lo sợ nên khoảng tháng 10/2018, chị Y đã đưa cho B 3.000.000đ và nói đây là lần cuối nhưng B nói với chị không bao giờ thoát khỏi tay B, trừ khi B bỏ chị. Sáng ngày 09/11/2018, B gọi điện yêu cầu chị Y đưa 500.000đ để mua đồ đi đám tân gia nhà bạn nhưng chị Y không đưa. Do không điện thoại liên lạc được với chị nên B có đến nhà gặp mẹ chị và nhờ bà nhấn lại với nội dung chị phải đưa cho B 10.000.000đ.

Khoảng 19 giờ 20 phút, ngày 09/11/2018, chị và anh Chồng D N đi mua trái cây. Khi xe đi ngang qua nhà ông Nguyễn H G thì B chặn xe lại, B đi tới khóa tay chị và dùng tay đánh 03 cái lên mũ bảo hiểm mà chị đang đội. Trong lúc đang co thì ví của chị rớt xuống đất, chị kêu anh N lại lấy ví nhưng B đá ví ra xa khoảng 02 m để anh N không lấy được và đến cầm ví lấy 1.500.000đ. B có đưa trả lại ví cho chị và nói hôm sau sẽ lấy tiếp 8.500.000đ. Lấy được tiền thì B đi vào nhà ông G nhậu tiếp, chị cùng với anh Chồng D N đến công an xã Phú Lộc trình báo sự việc.

- Lời khai của người làm chứng anh Chồng D N: Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 09/11/2018, anh chở chị Y đi mua trái cây đang trên đường đi về. Khi đến đoạn đường trước nhà ông G thì gặp B. B đứng chặn đầu xe và kéo tay lôi chị Y xuống xe. B đánh vài cái vào mũ bảo hiểm mà chị Y đang đội, giữa chị Y và B xảy ra cự cãi, đang co với nhau thì ví của chị Y rơi xuống đất. Chị Y liền kêu “Anh N lấy cái bóp dùm em” thì B dùng chân đá ví ra xa và chạy đến lấy 1.500.000đ còn ví trả lại cho chị Y, B còn nói tiếp ngày mai qua lấy 8.500.000đ. Sau đó, B đi vào nhà ông G, còn chị Y leo lên xe đi về.

- Lời khai của người làm chứng ông Nguyễn H G: Tối ngày 09/11/2018, nhà ông có làm đồ ăn và có mời mấy người hàng xóm, trong đó có Trần V B đến cùng uống rượu và hát ka-ra-ô-kê. Phía trước nhà ông là đường nhựa. Mấy người uống rượu và hát đến khoảng 22 giờ thì mọi người về còn ông ngủ. Việc giữa bị cáo đánh chị Y thì ông không biết, chỉ đến sáng thì ông mới nghe nói.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1.] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2.] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Xét về hành vi phạm tội:

Do có quan hệ tình cảm với nhau, B thường được chị Y cho tiền để sử dụng. Vì không có việc làm nên khi chị Y đòi chia tay thì B không đồng ý mà còn có những lời nói đe dọa chị Y nhằm mục đích để chị Y phải cho tiền. Khoảng 19

giờ 30 ngày 09/11/2018, tại ấp 3, xã Phú Lộc, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Trần V B thừa nhận đã có hành vi đe dọa dùng vũ lực uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt số tiền 1.500.000đ của chị Tổng Thị K Y.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi bị cáo đã thực hiện đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự 2015. Cáo trạng quyết định truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó không chỉ trực tiếp xâm phạm tài sản của chị Y được pháp luật bảo vệ mà còn gây hoang mang trong cộng đồng dân cư và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Bản thân bị cáo là người đã từng 02 bị lần kết án phạt tù, bị cáo không lấy đó làm bài học để tự cải tạo, giáo dục bản thân nay tiếp tục phạm tội. Do đó phải xử lý theo pháp luật hình sự là điều cần thiết nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Từ nội dung đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử cân nhắc, quyết định mức án phù hợp đối với từng bị cáo, thể hiện sự nghiêm minh, khoan hồng của chính sách pháp luật.

Tòa án mở phiên tòa công khai xét xử vụ án để xử lý hành vi phạm tội của bị cáo và để tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong xã hội.

[3.] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 1.500.000đ đã chiếm đoạt cho chị Y.

Bị cáo đã nộp lại số tiền chiếm đoạt 470.000đ tại biên lai thu số 0003373 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho chị Y số tiền 1.030.000đ (một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

[4.] Về xử lý vật chứng của vụ án như sau:

- Đối với số tiền 470.000đ bị cáo đã nộp tại biên lai thu số 0003373 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú cần tuyên trả lại cho chị Y là hoàn toàn đúng pháp luật;

- Đối với 01 điện thoại hiệu Nokia 1202 màu xanh, không liên quan đến vụ án là tài sản hợp pháp của bị cáo hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án huyện Tân Phú cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[5.] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Kiểm sát viên luận tội đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và

đề nghị tuyên mức hình phạt tù tương đối nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét trước khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều e khoản 2 Điều 170; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần V B phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”

Xử phạt: Trần V B 03 (ba) năm 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự 2015:

Trả lại chị Tổng Thị K Y số tiền 470.000đ do bị cáo nộp tại biên lai thu số 0003373 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú.

Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại hiệu Nokia 1202 màu xanh để đảm bảo công tác thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/3/2019 giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 585 và Điều 586 của Bộ luật Dân sự:

Bị cáo phải bồi thường cho chị Y số tiền 1.030.000đ (một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 292; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo Trần V B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Tổng Thị K Y có quyền kháng cáo trong thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tân Phú;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ THA; Lưu HS, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Văn Phi